TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/DS-ST
Ngày: 28- 9- 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST- DS ngày 13 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số24/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng)

Địa chỉ: Tầng 1(tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà S, số 111A P, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N, chuyên viên phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Q- chi nhánh Hải Phòng *(Văn bản ủy quyền số 8801419 ngày 28 tháng 10 năm 2019)*; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D; đều có địa chỉ: Thôn Phí Xá, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q do bà Trần Thị Thanh N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP Q và ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D đã ký các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 529.HĐTD1.009.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018 với số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: Bổ sung vốn trung hạn kinh doanh phế liệu. Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân. Phương thức trả nợ: trả nợ gốc và lãi hàng tháng.

2. Hợp đồng tín dụng số 530.HĐTD1.009.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018 với số tiền vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình. Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân.Phương thức trả nợ: trả nợ gốc và lãi hàng tháng.

3. Hợp đồng tín dụng số 602.HĐTD1.009.17 ngày 30 tháng 11 năm 2017 với số tiền vay 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: Sửa chữa nhà và mua sắm đồ dùng gia đình. Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân. Phương thức trả nợ: trả nợ gốc và lãi hàng tháng.

4. Ngày 28 tháng 8 năm 2018, bà Hoàng Thị D đã có phiếu phát hành thẻ tín dụng tại Ngân hàng với hạn mức 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) và đã được phê duyệt ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng diện tích 665 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 739393, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00120 do UBND huyện A, TP Hải Phòng cấp ngày 05/4/2007 cho hộ ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D; chỉnh lý sang tên ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D tại Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng- chi nhánh huyện A ngày 30 tháng 11 năm 2017. Tài sản trên đã được các bên ký kết tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 601.HĐTC1.009.17 ngày 30/11/2017; số công chứng 8777/2017, Quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.500.000.000 đồng (*một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) cho bên vay là ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D theo các khế ước nhận nợ.

Trong quá trình vay, ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 25 tháng 02 năm 2019. Tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2020, ông Phương và bà Dung còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 1.694.865.567 đồng, trong đó: Dư nợ theo các hợp đồng tín dụng gồm: Nợ gốc: 1.292.407.000đồng, nợ lãi trong hạn 230.030.275 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.538.280 đồng. Dư nợ thẻ gồm: nợ gốc: 47.438.685 đồng, nợ lãi: 25.138.040 đồng, phí 68.313.287 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2020 là: 1.694.865.567 đồng, trong đó: Dư nợ theo các hợp đồng tín dụng gồm: Nợ gốc: 1.292.407.000đồng, nợ lãi trong hạn 230.030.275 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.538.280 đồng. Dư nợ thẻ gồm: nợ gốc: 47.438.685 đồng, nợ lãi: 25.138.040 đồng, phí 68.313.287 đồng và tiền lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2020 cho đến khi ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Trong trường hợp ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D không trả hết nợ cho VIB, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Giá trị quyền sử dụng diện tích 665 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 739393, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00120 do UBND huyện A, TP Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 4 năm 2007 cho hộ ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D; chỉnh lý sang tên ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D tại Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng- chi nhánh huyện An Dương ngày 30 tháng 11 năm 2017.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D trình bày:

Ông bà có ký với Ngân hàng TMCP Q các Hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 529.HĐTD1.009.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018 với số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: Bổ sung vốn trung hạn kinh doanh phế liệu. Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân. Phương thức trả nợ: trả nợ gốc và lãi hàng tháng.

- Hợp đồng tín dụng số 530.HĐTD1.009.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018 với số tiền vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Hợp đồng tín dụng số 602.HĐTD1.009.17 ngày 30 tháng 11 năm 2017 với số tiền vay 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Mục đích vay: Sửa chữa nhà và mua sắm đồ dùng gia đình.

- Ngày 28 tháng 8 năm 2018, bà Hoàng Thị D đã có phiếu phát hành thẻ tín dụng tại Ngân hàng với hạn mức 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) và đã được phê duyệt ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Tổng số tiền Ngân hàng giải ngân cho ông bà là 1.500.000.000đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng)

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng diện tích 665 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC 739393, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00120 do UBND huyện A, TP Hải Phòng cấp ngày 05/4/2007 cho hộ ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D; chỉnh lý sang tên ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D tại Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng-chi nhánh huyện A ngày 30 tháng 11 năm 2017.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên, ông bà đã trả cho Ngân hàng một phần nợ gốc và nợ lãi.Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và do dịch bệnh nên ông bà không thể trả cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Ông bà xác nhận tính đến ngày 03 tháng 10 năm 2019, ông Phương và bà Dung còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 1.521.603.884 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.347.507.0008đồng, nợ lãi trong hạn 96.811.250 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.404.400 đồng. Dư nợ thẻ gồm: nợ gốc: 47.438.685 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Q khởi kiện ông bà yêu cầu phải thanh toán nợ cho Ngân hàng, quan điểm của ông bà sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên nhưng ông bà chưa có điều kiện thanh toán một lần nên đề nghị Ngân hàng cho ông bà trả Ngân hàng 10.000.000đồng (mười triệu đồng)/01 tháng. Trường hợp ông bà vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng thì Ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm, ông bà đồng ý. Nếu tài sản bảo đảm lớn hơn khoản nợ phải trả thì ông bà đề nghị Ngân hàng thanh toán trị giá chênh lệch cho ông bà.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Qua quan điểm phát biểu, Kiểm sát viên đánh giá: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 307, 317, 318 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm g, Khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013 xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, buộc ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D phải trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2020 là: 1.694.865.567 đồng, trong đó: Dư nợ theo các hợp đồng tín dụng gồm: Nợ gốc: 1.292.407.000đồng, nợ lãi trong hạn 230.030.275 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.538.280 đồng. Dư nợ thẻ gồm: nợ gốc: 47.438.685 đồng, nợ lãi: 25.138.040 đồng, phí 68.313.287 đồng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký. Ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D còn phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản lãi quá hạn phát sinh từ ngày 23 tháng 9 năm 2020 cho đến khi thanh toán thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Trong trường hợp ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Q

thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 601.HDDTC1.009.17 ngày 30/11/2017; số công chứng 8777/2017, Quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản bảo đảm gồm quyền sử dụng sử dụng diện tích 665 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 739393, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00120 do UBND huyện A, TP Hải Phòng cấp ngày 05/4/2007 cho hộ ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D; chỉnh lý sang tên ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D tại Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng- chi nhánh huyện A ngày 30 tháng 11 năm 2017.

Trong trường hợp phát mại tài sản nếu trị giá tài sản sau khi phát mại lớn hơn số tiền gốc và lãi mà ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D phải trả thì Ngân hàng có trách nhiệm thanh toán số tiền còn dư cho ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D. Nếu trị giá tài sản sau khi phát mại nhỏ hơn số tiền gốc và lãi ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D phải trả thì ông Phương, bà Dung phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

- Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q với bị đơn là ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào phần trình bày của đương sự, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định Ngân hàng TMCP Q và ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D đã ký kết các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 529.HĐTD1.009.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018; hợp đồng tín dụng số 530.HĐTD1.009.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018; hợp đồng tín dụng số 602.HĐTD1.009.17 ngày 30 tháng 11 năm 2017 và ngày 28 tháng 8 năm 2018, bà Hoàng Thị D đã có phiếu phát hành thẻ tín dụng tại Ngân hàng với hạn mức 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng). Xét thấy các Hợp đồng tín dụng trên được các bên tự nguyện thống nhất thỏa thuận ký kết bởi những người có đủ năng lực hành vi dân sự, thẩm quyền, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp, là căn cứ pháp luật phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D

theo các Hợp đồng tín dụng số tiền là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng). Ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D đã nhận đủ số tiền trên theo các Khế ước nhận nợ . Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã cam kết với Ngân hàng nên đã làm phát sinh nợ quá hạn với số dư nợ còn lại theo các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2020, ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 1.694.865.567 đồng, trong đó: Dư nợ theo các hợp đồng tín dụng gồm: Nợ gốc: 1.292.407.000đồng, nợ lãi trong hạn 230.030.275 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.538.280 đồng. Dư nợ thẻ gồm: nợ gốc: 47.438.685 đồng, nợ lãi: 25.138.040 đồng, phí 68.313.287 đồng.

Như vậy Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến 23 tháng 9 năm 2020 là: 1.694.865.567 đồng, trong đó: Dư nợ theo các hợp đồng tín dụng gồm: Nợ gốc: 1.292.407.000đồng, nợ lãi trong hạn 230.030.275 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.538.280 đồng. Dư nợ thẻ gồm: nợ gốc: 47.438.685 đồng, nợ lãi: 25.138.040 đồng, phí 68.313.287 đồng và ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D còn phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản lãi quá hạn phát sinh từ ngày 23 tháng 9 năm 2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ pháp luật.

[4] Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D tại các hợp đồng tín dụng số 529.HĐTD1.009.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018; hợp đồng tín dụng số 530.HĐTD1.009.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018; hợp đồng tín dụng số 602.HĐTD1.009.17 ngày 30 tháng 11 năm 2017 và phiếu phát hành thẻ tín dụng ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại Ngân hàng, ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D đã ký với Ngân hàng TMCP Q hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 601.HDDTC1.009.17 ngày 30/11/2017; số công chứng 8777/2017, Quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng diện tích 665 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 739393, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00120 do UBND huyện A, TP Hải Phòng cấp ngày 05/4/2007 cho hộ ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D; chỉnh lý sang tên ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D tại Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng- chi nhánh huyện A ngày 30 tháng 11 năm 2017. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai- Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng - Chi nhánh huyện A ngày 30 tháng 11 năm 2017. Hiện thửa đất và tài sản gắn liền với đất nói trên do ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D quản lý, sử dụng.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 601.HDDTC1.009.17 ngày 30/11/2017; số công chứng 8777/2017, Quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD được giao kết bởi những người có đủ năng lực hành vi dân sự, thẩm quyền, được chứng nhận bởi cơ quan công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do vậy Hợp đồng thế chấp trên hợp pháp và là căn cứ pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Bên vay là ông Hoàng Văn P , bà Hoàng Thị D đã

vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do vậy yêu cầu về việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp hiện do ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D đang quản lý, sử dụng nêu trên của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Trong quá trình tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương có công văn số 03 ngày 21 tháng 9 năm 2020 yêu cầu nguyên đơn cung cấp bảng kê tính lãi, thời điểm vi phạm, lãi suất áp dụng, các khoản tiền cụ thể, Tòa án đã thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát. Ngoài ra Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương yêu cầu Tòa án xác định thành viên trong hộ gia đình ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D. Tòa án không thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện A vì lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi hộ ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D nhưng đã được chỉnh lý ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D tại Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng- chi nhánh huyện A ngày 30 tháng 11 năm 2017. Do vậy Tòa án nhân dân huyện A yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương cần rút kinh nghiệm nghiên cứu hồ sơ kỹ trước khi ban hành văn bản yêu cầu để ban hành văn bản yêu cầu cho chính xác.

[7] Về án phí: Ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện A, thành phố Hải Phòng.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 70, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 307, 317, 318 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 83 ngày 23 tháng 7 năm 2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào điểm g, Khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 23 tháng 9 năm 2020 là: 1.694.865.567 đồng, trong đó: Dư nợ theo các hợp đồng tín dụng gồm: Nợ gốc: 1.292.407.000đồng, nợ lãi trong hạn 230.030.275 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.538.280 đồng. Dư nợ thẻ gồm: nợ gốc: 47.438.685 đồng, nợ lãi: 25.138.040 đồng, phí 68.313.287 đồng theo các Hợp đồng tín dụng đã ký. Ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D còn phải thanh toán

cho Ngân hàng các khoản lãi quá hạn phát sinh từ ngày 23 tháng 9 năm 2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 529.HĐTD1.009.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018; hợp đồng tín dụng số 530.HĐTD1.009.18 ngày 23 tháng 8 năm 2018; hợp đồng tín dụng số 602.HĐTD1.009.17 ngày 30 tháng 11 năm 2017 và phiếu phát hành thẻ tín dụng ngày 28 tháng 8 năm 2018.

Trong trường hợp ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng quyền sử dụng diện tích 665 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 739393, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00120 do UBND huyện A, TP Hải Phòng cấp ngày 05/4/2007 cho hộ ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D; chỉnh lý sang tên ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị D tại Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng-chi nhánh huyện A ngày 30 tháng 11 năm 2017. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai- Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng - Chi nhánh huyện A ngày 30 tháng 11 năm 2017.

Trong trường hợp phát mại tài sản nếu trị giá tài sản sau khi phát mại lớn hơn số tiền gốc và lãi mà ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D phải trả thì Ngân hàng có trách nhiệm thanh toán số tiền còn dư cho ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D. Nếu trị giá tài sản sau khi phát mại nhỏ hơn số tiền gốc và lãi ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D phải trả thì ông Phương, bà Dung phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn P, bà Hoàng Thị D mỗi người phải chịu 62.845.967 đồng (sáu mươi hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 28.825.000đ (hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0012566 ngày 13 tháng 5 năm 2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Văn Tươi